

Bản án số: 09/2024/DS-PT

Ngày: 18 - 01 - 2024

*V/v yêu cầu mở lối đi qua bất động
sản liền kề*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Phong

Các Thẩm phán: Ông Lê Việt Hoà

Ông Nguyễn Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 224/2023/QĐXX-PT ngày 12/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Hồ Thị H, sinh năm 1980 (có mặt);

- Ông Dương Trường P, (tên gọi khác Dương Đức P) sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

- Ông Lê T, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

- Ông Sinh Văn S, sinh năm 1974;

- Bà Chu Thị T1, sinh năm 1965 (có mặt);

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

- Ông Chu Văn N1, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Trường P: Bà Trương Thị Bích H1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung T1 trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn:

- Ông Cao Phước L; sinh năm 1954 (vắng mặt)
- Chị Cao Thị Ngọc L1; sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện bị đơn theo ủy quyền: Bà Ninh Thị Nguyên H2, sinh năm 1987 (có mặt), địa chỉ: Ấp 9, xã TL, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hà Thị T1, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);
- Ông Cao Văn K, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);
- Ông Cao Tiến V, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);
- Ông Cao Bá K1, sinh năm 1993 (xin vắng mặt);
- Bà Cao Thị Thanh T2, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước

4. Người làm chứng: Bà Điều Thị D, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị H, ông Dương Trường P; bà Chu Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, Đơn thay đổi nội dung khởi kiện ngày 04/1/2022 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Chúng tôi là các hộ dân có các thửa đất tại ấp 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước, lối đi vào rẫy là đi qua đất nhà ông Cao Phước L. Khi ông L nhận sang nhượng của bà Điều Thị D thì ông L cùng bà Thúy và các hộ dân chúng tôi với chủ đất cũ là Điều Thị D đồng ý để lại con đường mòn nhỏ để làm lối đi chung, chiều ngang 1.7m, dài khoảng 70m; tứ cận phía đông giáp đất ba Chu Thị T1; phía tây là đường nhựa; phía nam và bắc giáp đất ông L.

Đến ngày 09/12/2021 thì ông L ủy quyền cho con gái là Cao Thị Ngọc L1 S dụng thửa đất của ông, lúc này thì chị L1 đã rào con đường nêu trên không cho chúng tôi đi nữa, chúng tôi có làm đơn khiếu nại đến UBND xã PS khiếu nại hành vi của gia đình ông L không cho chúng tôi đi con đường này, nhưng gia đình ông L không hợp tác và nói rằng, gia đình ông có sổ đỏ, trên sổ không có thể hiện đường đi nên gia đình ông L, cụ thể là con ông L không cho chúng tôi đi.

Vì vậy chúng tôi làm đơn khởi kiện này đến Tòa án nhân dân huyện B, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi vấn đề sau:

Buộc ông Cao Phước L và Cao Thị Ngọc L1 phải mở lại lối đi chung cho toàn bộ các hộ phía trong nêu trên để chúng tôi có đường đi vào đất, cụ thể diện tích yêu cầu là ngang 1.7m dài 70m ; Tọa lạc tại ấp 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình

Phước; đất thuộc thửa số 42; tờ bản đồ số 16, là một phần nằm trong tổng diện tích đất 586,2m², do UBND huyện B cấp ngày 25/12/2014, đứng tên ông Cao Phước L; Hà Thị T1; tứ cận phía đông giáp đất ông T3; phía nam giáp Dương Văn T4; phía bắc giáp Lê T; phía tây là đường ĐT 755.

Giá trị con đường đi chung chúng tôi yêu cầu khoảng 20.000.000đồng.

Tuy nhiên do nhầm lẫn thông tin về thửa đất yêu cầu mở lối đi, vì vậy nay chúng tôi thay đổi lại nội dung khởi kiện về thông tin thửa đất mở lối đi là thửa số 01, tờ bản đồ không có số, diện tích đất 1761m², do UBND huyện B cấp ngày 29/12/2000, đứng tên hộ ông Cao Phước L.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 23/8/2022 nguyên đơn ông Sinh Văn S, ông Chu Văn N1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn trình bày: Nguyên đơn cho rằng con đường từ trước đến nay vẫn đi trên đất bị đơn là không đúng, bởi trước đây các nguyên đơn đi con đường bên đất nhà ông T3, giáp ranh với đất của gia đình bị đơn, chứ không phải con đường nằm trên đất của gia đình bị đơn; Con đường be (lối đi cũ) cũng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn mà nằm ngoài diện tích đất của gia đình bị đơn, sau khi ông T3 rào không cho các nguyên đơn và các người dân đi trên con đường này thì những hộ dân này đi qua phần đất của bị đơn, gia đình bị đơn không có hàng rào nên họ tự đi qua đất của gia đình bị đơn. Do là hàng xóm láng giềng nên bị đơn cũng không có ý kiến gì, đồng ý cho họ đi nhờ, những năm gần đây thì lợi dụng việc đi nhờ trên đất mà những hộ dân này cứ thả trâu bò gia súc đi ngang qua làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, nên gia đình bị đơn phải rào lại không cho đi nữa.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn cũng đồng ý ở lối đi theo hướng giáp ranh phía đất của anh T3, tuy nhiên đề nghị phía nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn khoản tiền tương ứng với giá trị con đường mà nguyên đơn yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Hà Thị T1, các con Cao Văn K, Cao Tiên V, Cao Bá K1, Cao Thị Thanh T2 thống nhất trình bày: Chúng tôi là thành viên của hộ gia đình ông Cao Phước L, mọi vấn đề tranh chấp lối đi giữa các nguyên đơn và gia đình ông Cao Phước L, chúng tôi không có ý kiến gì, mọi vấn đề do ông L và Cao Thị Ngọc L1 quyết định.

Người làm chứng Điều Thị D trình bày: Trước đây gia đình tôi có thửa đất, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Cao Phước L, thời gian rất lâu tôi không nhớ, trên đất vẫn có đường mòn lối đi, hiện nay không liên quan đến gia đình tôi nữa, vì bận việc gia đình nên tôi xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị H, Dương Trường P (tên gọi khác Dương Đức P), Lê T, Chu Thị T1, Lê Văn N, buộc bị đơn ông Cao Phước L, chị Cao Thị Ngọc L1 phải có nghĩa vụ mở lối đi chung qua thửa số 01, tờ bản đồ không có số, diện tích đất 1761m², do UBND huyện B cấp ngày 29/12/2000, đứng tên hộ ông Cao Phước L, tọa lạc tại thôn 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước, chiều rộng lối đi 1,7m, tổng diện tích 157,3m², kí hiệu các đỉnh điểm tọa độ lối đi từ 1 đến 9 (có sơ đồ đo vẽ ngày 07/4/2022, ký ngày 10/5/2022 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình A kèm theo).

Nghĩa vụ đền bù: Nguyên đơn phải đền bù cho bị đơn về giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất dùng làm lối đi Tương ứng số tiền 187.000.000đ.

Cụ thể chị Hồ Thị H, ông Dương Trường P (tên gọi khác Dương Đức P), Lê T, Chu Thị T1, Lê Văn N, mỗi người phải bồi thường số tiền 37.400.000đ cho bị đơn ông Cao Phước L và chị Cao Thị Ngọc L1.

Về hưởng quyền về lối đi qua bất động sản liền kề sẽ chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Cao Phước L, chị Cao Thị Ngọc L1 liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký biến động lại diện tích thửa đất sau khi trừ diện tích đất làm lối đi chung.

[2]. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Sinh Văn S và ông Chu Văn N1.

Hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật .

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 30/08/2023 nguyên đơn bà Hồ Thị H, bà Chu Thị T1, ông Dương Trường P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết Sa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả lại lối đi chung nhưng không đền bù tiền cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử Sa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả lại lối đi chung nhưng không đền bù tiền cho bị đơn.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

nguyên đơn bà Hồ Thị H, bà Chu Thị T1, ông Dương Trường P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân Huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 18/01/2024, nguyên đơn ông Lê Văn N có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N. Do vậy căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N.

Đơn kháng cáo của các nguyên đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị H, bà Chu Thị T1, ông Dương Trường P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Thừa đất của các nguyên đơn bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng nào khác, các nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi trên thửa số 01, tờ bản đồ không có số, diện tích đất 1761m² do UBND huyện B cấp ngày 29/12/2000 của hộ ông Cao Phước L, theo kết quả xem xét thẩm định, lối đi có chiều rộng 1,7m, tổng diện tích 157,3m², kí hiệu các đỉnh điểm tọa độ từ 1 đến 9 (có sơ đồ đo vẽ ngày 07/4/2022, ký ngày 10/5/2022 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình A kèm theo) vị trí, diện tích lối đi là phù hợp theo yêu cầu của các nguyên đơn và quy định pháp luật, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện mở lối đi của các nguyên đơn.

[2.2] Xét nghĩa vụ đền bù: Các nguyên đơn cho rằng không đồng ý đền bù cho bị đơn vì đây lối đi cũ đã có từ lâu trên phần đất ông Cao Phước L nhưng ông L cho rằng con đường đi không thể hiện trên giấy chứng nhận nên rào lại.

Hội đồng xét xử xét thấy trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Cao Phước L, thửa số 01, tờ bản đồ không có số, diện tích đất 1761m², do UBND huyện B cấp ngày 29/12/2000 thể hiện con đường be, giáp với phần đất của ông T3 và ông L, nhưng con đường be này nằm ngoài phần đất của ông L. Bị đơn cho rằng con đường mòn(đường be) là bên đất nhà ông T3, giáp ranh với đất của gia đình bị đơn, chứ không phải con đường nằm trên đất của gia đình bị đơn, khi ông T3 rào không cho các hộ dân đi trên con đường này thì các nguyên đơn mới đi qua trên đất bị đơn là hoàn toàn phù hợp. Đồng thời theo

biên bản làm việc ngày 28 tháng 11 năm 2023 với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cho biết nội dung sau: theo bản đồ chính quy đo đạc năm 2011 không thể hiện con đường be nằm phía nam đất hộ ông Cao Phước L giáp phần đất ông Võ Tấn T3. Do vậy các nguyên đơn cho rằng đây là lối đi cũ đã có từ lâu trên phần đất ông Cao Phước L là không có căn cứ.

Các nguyên đơn cho rằng lối đi cũ nằm trên phần đất của ông L, UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Phước L nhưng trong giấy chứng nhận không thể hiện lối đi chung là sai.

Theo Công văn số 2070/UBND –TD ngày 23/12/2022 của UBND huyện B trả lời Tòa án, nội dung như sau:

1/Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 01, tờ bản đồ 00, diện tích 1761m², do UBND huyện B cấp ngày 29/12/2000 đứng tên hộ ông Cao Phước L, đất tọa lạc tại Thôn 6, xã PS, huyện B, tỉnh Bình Phước là đúng quy định pháp luật.

2/Đối với việc nguyên đơn cho rằng khi Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Phước L, trong giấy chứng nhận không thể hiện lối đi chung là sai, Ủy ban nhân dân huyện B không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án nhân dân huyện B căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận, đối chiếu quy định của pháp luật và chứng cứ do các bên cung cấp để xét xử theo đúng quy định.

Như vậy các nguyên đơn phải có nghĩa vụ đền bù đối yêu cầu mở lối đi qua bất động sản của ông Cao Phước L.

Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự quy định Quyền về lối đi qua như sau:

1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây pH hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

Như vậy phần diện tích lối đi được mở qua phần đất nhà ông Cao Phước L, theo kết quả xem xét thẩm định, có chiều rộng 1,7m, tổng diện tích

157,3m². Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá, 1m chiều rộng lối đi trị giá 110.000.000 đồng, chiều rộng lối đi 1,7 m Tương ứng số tiền 187.000.000 đồng.

Vì vậy các nguyên đơn phải có nghĩa vụ đền bù cho bị đơn về giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất dùng làm lối đi Tương ứng số tiền 187.000.000 đồng. Cụ thể nguyên đơn Hồ Thị H; Dương Trường P (tên gọi khác Dương Đức P), Lê T, Chu Thị T1, Lê Văn N, mỗi người phải bồi thường số tiền 37.400.000 đồng cho bị đơn.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị H, bà Chu Thị T1, ông Dương Trường P, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16/08/2023 của Tòa án nhân dân Huyện B.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị H, bà Chu Thị T1, ông Dương Trường P không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị H, bà Chu Thị T1, ông Dương Trường P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước;

Áp dụng các Điều 245, 248, 254, 256 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hồ Thị H, Dương Trường P (tên gọi khác Dương Đức P), Lê T, Chu Thị T1, Lê Văn N, buộc bị đơn ông Cao Phước L, chị Cao Thị Ngọc L1 phải có nghĩa vụ mở lối đi chung qua thửa số 01, tờ bản đồ không có số, diện tích đất 1761m², do UBND huyện B cấp ngày 29/12/2000, đứng tên hộ ông Cao Phước L, tọa lạc tại thôn 6, xã PS,

huyện B, tỉnh Bình Phước, chiều rộng lối đi 1,7m, tổng diện tích 157,3m², kí hiệu các đỉnh điểm tọa độ lối đi từ 1 đến 9 (có sơ đồ đo vẽ ngày 07/4/2022, ký ngày 10/5/2022 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình A kèm theo).

Nghĩa vụ đền bù: Các nguyên đơn phải đền bù cho bị đơn về giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất dùng làm lối đi Tương ứng số tiền 187.000.000 (Một trăm tám mươi bảy triệu) đồng.

Cụ thể chị Hồ Thị H, ông Dương Trường P (tên gọi khác Dương Đức P), Lê T, Chu Thị T1, Lê Văn N, mỗi người phải bồi thường số tiền 37.400.000 (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng cho bị đơn ông Cao Phước L và chị Cao Thị Ngọc L1.

Về hưởng quyền về lối đi qua bất động sản liền kề sẽ chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Cao Phước L, chị Cao Thị Ngọc L1 liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký biến động lại diện tích thửa đất sau khi trừ diện tích đất làm lối đi chung.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Sinh Văn S và ông Chu Văn N1.

Hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật .

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Cao Phước L và chị Cao Thị Ngọc L1 phải liên đới nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 9.350.000 đồng, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000231 ngày 07/1/2022, số tiền án phí còn lại nguyên đơn phải nộp là 8.550.000 đồng, cụ thể chị Hồ Thị H; ông Dương Trường P (tên gọi khác Dương Đức P), anh Lê T, bà Chu Thị T1, ông Lê Văn N, mỗi người nộp 1.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí xác minh thẩm định 3.000.000 đồng và chi phí đo đạc 2.130.000 đồng, tổng cộng số tiền 5.130.000 đồng mà các nguyên đơn đã nộp, cần buộc bị đơn liên đới hoàn trả các nguyên đơn chị Hồ Thị H; ông Dương Trường P (tên gọi khác Dương Đức P), anh Lê T, bà Chu Thị T1, ông Lê Văn N, cụ thể hoàn trả mỗi người 1.026.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Bà Hồ Thị H, bà Chu Thị T1, ông Dương Trường P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001170 ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Phong